

Bản án số: 39/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 05-8-2024
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Trần Thị Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Chị T và anh B đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Ngô Văn B được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thành vào ngày 22-7-2020. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01-

2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 23-5-2021. Hiện nay cháu Phương Anh đang ở cùng với gia đình anh B. Từ nhỏ cháu Phương A chủ yếu do anh B và ông bà nội chăm sóc. Do công việc của chị rất bận. Từ tháng 01-2024 anh chị sống ly thân cháu Phương Anh vẫn ở cùng với bố, do anh B cản trở không cho chị đưa cháu đi cùng. Hiện nay chị ở cùng với bố mẹ đẻ, làm công nhân tại Công ty may Tinh Lợi, thời gian làm việc từ 7 giờ 30 đến 17 giờ 30 phút. Nay anh chị ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị được nuôi con, chị sẽ xin công ty tạo điều kiện cho chị về thời gian để có điều kiện chăm sóc cháu. Bố mẹ đẻ chị cũng sẽ hỗ trợ về chỗ ở cũng như chăm sóc cháu giúp chị. Chị không đồng ý giao cháu Phương Anh cho anh B nuôi dưỡng. Vì cháu là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Mặc dù hiện nay anh B nuôi con vẫn đảm bảo được chăm sóc, ăn học đầy đủ nhưng chị không yên tâm. Hơn nữa hiện nay anh B và gia đình anh đều cản trở chị mỗi đi đón cháu về chơi. Chị làm công nhân thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thành vào ngày 22-7-2020. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2024 chị T nói về nhà ngoại chơi, không hiểu lý do gì chị T không về chung sống cùng anh nữa. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhiều lần anh đến gặp chị T và nhờ gia đình khuyên giải nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Vì anh vẫn còn tình cảm với vợ. Nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của chị đây tự quyết định. Anh vẫn không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 23-5-2021. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh. Cháu Phương Anh từ nhỏ được anh và ông bà nội chăm sóc. Nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh sẽ nuôi cháu. Anh có điều kiện chăm sóc cháu Phương A tốt hơn. Hiện nay chị T làm công nhân thời gian làm việc rất bận từ 6 giờ sáng đến khoảng 20 giờ mới về. Do vậy chị không có thời gian để chăm sóc con được. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu vẫn do anh chăm sóc đảm bảo về học tập cũng như phát triển về thể chất và tinh thần. Anh không đồng ý giao cháu Phương Anh cho chị T nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh có nhà ở riêng, sống gần bố mẹ đẻ, làm chăn nuôi, cây trồng thu nhập hàng tháng

trung bình khoảng 8.000.000 đồng. Anh đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu. Anh không đồng ý giao cháu Phương Anh cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Ngô Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Văn B.

- Về con chung: Giao con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 23-5-2021 cho anh Ngô Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi đến trường thành đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết.

- Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Ngô Văn B. Anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tổng Thượng, xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn B tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mặc dù anh B xác định vợ chồng

không rõ lý do gì mà sống ly thân nhưng thực tế từ tháng 01-2024 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Anh B cũng nhiều lần hòa giải đồng viên chị về đoàn tụ nhưng chị T vẫn không về. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hai bên sống ly thân không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều khuyên giải về đoàn tụ nhưng không được.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị được ly hôn anh B là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Ngô Phương Anh sinh ngày 23-5-2021. Hiện nay cháu Phương Anh đang ở với anh B. Khi ly hôn chị T và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Anh. Xét nguyện vọng của các bên về việc nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con là ngang nhau. Tuy nhiên để đánh giá giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét về mặt ổn định trong sinh hoạt và học tập để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ. Chị T và anh B cùng thừa nhận từ nhỏ cháu Phương Anh chủ yếu do bố và ông bà nội nuôi chăm sóc do công việc của chị rất bận không có thời gian. Thực tế anh B chăm sóc con trong suốt thời gian qua không có ảnh hưởng về mặt thể chất cũng như tâm lý của cháu. Qua xác minh tại trường học cũng như tại địa phương thể hiện cháu Phương Anh phát triển nhận thức bình thường, không có biểu hiện ảnh hưởng về tâm lý. Việc đưa đón cháu đi học chủ yếu là bố và ông bà nội. Chị T không có thời gian nên chỉ thỉnh thoảng hỏi thăm việc học của cháu qua điện thoại. Do vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt, học tập của cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Ngô Phương A, sinh ngày 23-5-2021 cho anh Ngô Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 23-5-2021 cho anh Ngô Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0002427 ngày 15-5-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt